

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công ty CP Chứng khoán Toàn Cầu
Địa chỉ: Lầu 4A&9, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Quận 1, TPHCM
Điện thoại: 08.54050333 Fax: 08.54050111
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Mạnh Toàn
Địa chỉ: Lầu 4A&9, số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Quận 1, TPHCM
Loại thông tin công bố: định kỳ

- Nội dung công bố thông tin:

Thực hiện chế độ báo cáo của Công ty chứng khoán theo quy định của pháp luật hiện hành, Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu trân trọng báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán Tp Hồ Chí Minh về Báo cáo tài chính quý 4 năm 2014 của công ty chúng tôi.

Thông tin này đã được công bố trên trang điện tử của Công ty theo địa chỉ sau:

1. Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2014 được công bố tại website: www.vgs.vn theo đường link sau:
- <http://vgs.vn/news/viewentry/6/bao-cao-tai-chinh-quy-4-nam-2014>

Giải trình phát sinh lãi giảm trên 10% so với cùng kỳ Quý 4/2013 như sau:

Doanh thu từ các hoạt động giao dịch của khách hàng tại Công ty ít hơn so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin

CHỦ TỊCH HĐQT



TRẦN PHÚ MỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Lầu 4A&9, Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Quận 1, TP.HCM

Tel: 08.54.050.333 Fax: 08.54.050.111

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Quý 4 năm 2014

| Chi tiêu | Mã chi tiêu | Thuyết minh | Quý năm nay | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này/(Năm nay) | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này/(Năm trước) | |
|---|-------------|-------------|----------------------|----------------------|--|----------------------|--|---------------|
| | | | Quý năm nay | Quý năm trước | 3,667,630,239 | 4,958,790,957 | 3,667,630,239 | 4,958,790,957 |
| 1. Doanh thu | 01 | | 38,117,367 | 1,290,903,582 | 3,667,630,239 | 4,958,790,957 | | |
| - Trong đó: | | | | | | | | |
| - Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 01.1 | | 37,329,742 | 46,359,567 | 65,933,013 | 245,392,840 | | |
| - Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 01.2 | | - | - | - | - | | |
| - Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán | 01.3 | | - | - | - | - | | |
| - Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán | 01.4 | | - | - | - | - | | |
| - Doanh thu hoạt động tư vấn | 01.5 | | - | - | - | - | | |
| - Doanh thu lưu ký chứng khoán | 01.6 | | - | - | - | - | | |
| - Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá | 01.7 | | - | - | - | - | | |
| - Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản | 01.8 | | - | - | - | - | | |
| - Doanh thu khác | 01.9 | | 787,625 | 1,244,544,015 | 3,601,697,226 | 4,713,398,117 | | |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - | - | - | | |
| 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh | 10 | | 38,117,367 | 1,290,903,582 | 3,667,630,239 | 4,958,790,957 | | |
| 4. Chi phí hoạt động kinh doanh | 11 | | 147,405,355 | 254,273,787 | 738,528,984 | 758,007,703 | | |
| 5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh | 20 | | (109,287,988) | 1,036,629,795 | 2,929,101,255 | 4,200,783,254 | | |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 468,968,729 | 735,403,449 | 2,414,931,292 | 1,736,687,635 | | |
| 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (578,256,717) | 301,226,346 | 514,169,963 | 2,464,095,619 | | |
| 8. Thu nhập khác | 31 | | - | 30,500,000 | - | 157,830,000 | | |
| 9. Chi phí khác | 32 | | - | 307,867,393 | 50,000,000 | 392,630,234 | | |
| 10. Lợi nhuận khác | 40 | | - | (277,367,393) | (50,000,000) | (234,800,234) | | |
| 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (578,256,717) | 23,858,953 | 464,169,963 | 2,229,295,385 | | |
| 12. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | - | 241,497,560 | - | | |
| 13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - | - | - | | |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (578,256,717) | 23,858,953 | 222,672,403 | 2,229,295,385 | | |
| 14.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | - | - | - | - | | |
| 14.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 62 | | - | - | - | - | | |
| 15. Lợi nhuận trên cổ phiếu(*) | 70 | | - | - | - | - | | |
| Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2015 | | | | | | | | |
| | | | 616,374,084 | | | | | |



CHAU MINH QUANG
Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THỊ CẢNH
Phụ trách Kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Lầu 4A&9, Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Quận 1, TP.HCM

Tel: 08.54.050.333 Fax: 08.54.050.111

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chò kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 4 năm 2014

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| A- TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 53,042,564,796 | 53,972,934,629 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 6,051,634,486 | 8,975,341,012 |
| 1. Tiền | 111 | | 6,051,634,486 | 8,975,341,012 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 46,731,410,310 | 44,938,073,617 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 47,360,688,493 | 45,238,194,882 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | - | 58,608,000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán | 135 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 138 | | 1,453,663 | 1,453,663 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (630,731,846) | (360,182,928) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 259,520,000 | 59,520,000 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 173,000,000 | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 86,520,000 | 59,520,000 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 3,175,650,406 | 3,892,230,563 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 2,356,233,418 | 3,023,716,160 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 1,633,247,257 | 2,149,201,947 |
| - Nguyên giá | 222 | | 5,412,511,151 | 5,432,661,151 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (3,779,263,894) | (3,283,459,204) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | 722,986,161 | 874,514,213 |
| - Nguyên giá | 228 | | 1,515,280,520 | 1,515,280,520 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (792,294,359) | (640,766,307) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 3. Đầu tư chứng khoán dài hạn | 253 | | - | - |
| 5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 819,416,988 | 868,514,403 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 33,533,256 | 82,630,671 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |



| | | | |
|--|------------|-----------------------|-----------------------|
| 3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | 263 | 785,883,732 | 785,883,732 |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | - | - |
| VI. Lợi thế thương mại | 269 | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200) | 270 | 56,218,215,202 | 57,865,165,192 |
| NGUỒN VỐN | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 24,372,579,618 | 26,192,202,011 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 24,372,579,618 | 26,192,202,011 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 20,000,000,000 | 20,000,000,000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | 710,531,290 | 659,294,379 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | - | - |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 708,280,535 | 466,781,430 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | 41,298,595 | 6,406,816 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 1,309,615,401 | 1,296,637,808 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | - | - |
| 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 1,202,717,187 | 1,409,844,325 |
| 9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 320 | 30,000,000 | 2,353,170,223 |
| 10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 321 | 370,136,610 | 67,030 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | - | - |
| B.VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 31,845,635,584 | 31,672,963,181 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 31,845,635,584 | 31,672,963,181 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 35,000,000,000 | 35,000,000,000 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | (3,154,364,416) | (3,327,036,819) |
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | - | - |
| C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 56,218,215,202 | 57,865,165,192 |
| CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG | | | |
| 6. Chứng khoán lưu ký | 006 | - | - |
| 6.1. Chứng khoán giao dịch | 007 | - | - |
| 6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | 008 | - | - |
| 6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | 009 | - | - |
| 6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài | 010 | - | - |
| 6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác | 011 | - | - |
| 6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch | 012 | - | - |
| 6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký | 013 | - | - |
| 6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước | 014 | - | - |
| 6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài | 015 | - | - |
| 6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác | 016 | - | - |
| 6.3. Chứng khoán cầm cố | 017 | - | - |
| 6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký | 018 | - | - |
| 6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước | 019 | - | - |



Tp, Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2015



CHÂU VINH QUANG
Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THỊ CẢNH
Phụ trách kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Lầu 4A&9, Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, P. Tân Định, Quận 1, TP.HCM

Tel: 08.54.050.333 Fax: 08.54.050.111

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ 4 NĂM 2014

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay) | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước) |
|--|-------------|-------------|---|---|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | - | - |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 172,672,403 | (97,399,453) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | - | - |
| - Khấu hao TSCĐ | 02 | | 647,332,742 | 679,908,901 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 270,548,918 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | - | - |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 1,090,554,063 | 582,509,448 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (2,090,885,611) | 6,235,897,760 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | - | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (1,819,622,393) | (1,412,030,913) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (123,902,585) | (118,210,084) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | - | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (2,943,856,526) | 5,288,166,211 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | - | - |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | 20,150,000 | 185,769,000 |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 20,150,000 | 185,769,000 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | - | - |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | - | 1,090,000,000 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | - | 1,090,000,000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | | (2,923,706,526) | 6,563,935,211 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 8,975,341,012 | 2,383,608,654 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | | 6,051,634,486 | 8,947,543,865 |

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2015

CHAU VINH QUANG
Tổng Giám ĐốcNGUYỄN THỊ CẢNH
Phụ trách kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Lầu 4A&9 Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2014

Mẫu B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2014 của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Toàn Cầu (sau đây được gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- **Nghành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
- **Nhân viên** : Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 7.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 thuộc năm tài chính thứ 07 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Trong năm Công ty không phát sinh các giao dịch bằng đồng ngoại tệ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán”, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Lầu 4A&9 Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ ngân.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm khoản phải trả người bán và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Lầu 4A&9 Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

5. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi và cho vay có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công ty trích lập dự phòng theo Thông tư 228:

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định như sau:

| <u>Nhóm TSCĐ</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------|---------------|
| Máy móc, thiết bị | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 06 - 08 |

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Lầu 4A&9 Số 85 Nguyễn Hữu Cẩu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị các phần mềm chứng khoán, phần mềm kế toán,... là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa hệ thống BOSCO và Gateway vào sử dụng. Các phần mềm chứng khoán, phần mềm kế toán,... được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí sửa chữa, cải tạo các giếng nước và sửa chữa hàng rào, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 24 tháng.

Giá trị còn lại của Tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận chuyển sang công cụ dụng cụ theo qui định của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 được phân bổ vào chi phí trong vòng 03 năm.

10. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được trích lập theo quyết định của Hội đồng cổ đông.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thị doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Lầu 4A&9 Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành đối với hoạt động môi giới chứng khoán là 25%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

14. Bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Lầu 4A&9 Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Đơn vị tính: VND | |
|--|----------------------|----------------------|
| | Số dư 31/12/2014 | Số dư 01/01/2014 |
| Tiền mặt | 5.160.150 | 10.622.160 |
| Tiền gửi ngân hàng | 6.046.474.336 | 8.964.718.852 |
| <i>Tiền gửi của công ty</i> | <i>4.779.153.533</i> | - |
| <i>Tiền gửi của nhà đầu tư</i> | <i>1.267.320.803</i> | - |
| Cộng tiền và các khoản tương đương tiền | 6.051.634.486 | 8.975.341.012 |

2. Phải thu của khách hàng

| | | |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ông Tạ Duy Toàn | 15.016.154.751 | 15.016.154.751 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Sương | 3.108.431.372 | 3.108.431.372 |
| Bà Võ Ngọc Bảo Trân | 6.529.669.621 | 6.529.669.621 |
| Bà Nguyễn Thị Kê | 5.781.478.318 | 5.781.478.318 |
| Ông Lê Anh Tuấn | 3.665.132.926 | 3.665.132.926 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Liên | 1.232.161.151 | 1.232.161.151 |
| Bà Dương Quỳnh Anh | 1.427.896.307 | 1.427.896.307 |
| Ông Võ Quang Hiếu | 3.741.516.377 | 3.741.516.377 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Hoàng | 36.800.000 | 36.800.000 |
| Ông Nguyễn Quang Tuyên | 58.399.999 | 58.399.999 |
| Bà Nguyễn Thị Lê Phi | 74.500.000 | 74.500.000 |
| Ông Lê Ngọc Thu Hiền | 11.300.000 | 11.300.000 |
| Khách hàng khác | 6.942.224.669 | 7.053.202.888 |
| Cộng | 47.625.665.491 | 47.736.643.710 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Lầu 4A&9 Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trả trước cho người bán

| | Số dư 31/12/2014 | Số dư 01/01/2014 |
|----------------------|---------------------|---------------------|
| Phí cung cấp dữ liệu | 58.608.000 | 58.608.000 |
| Cộng | 58.608.000 | 58.608.000 |

3. Các khoản phải thu khác

| | | |
|---|------------------|------------------|
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nộp thừa | 1.453.663 | 1.453.663 |
| Cộng | 1.453.663 | 1.453.663 |

4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

| | | |
|-------------------------|--------------------|--------------------|
| Trả trước cho người bán | 67.608.000 | 67.608.000 |
| Nguyễn Thị Kim Sương | 109.015.928 | 109.015.928 |
| Nguyễn Thanh Thủy | 355.282 | 355.282 |
| Trần Nguyệt Anh | 205.136.474 | 205.136.474 |
| Huỳnh Phú Hải | 19.583.771 | 19.583.771 |
| Nguyễn Thị Ngọc Thúy | 45.473.391 | 45.473.391 |
| Khách hàng khác | 183.559.000 | 183.559.000 |
| Cộng | 630.731.846 | 630.731.846 |

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số dư 01/01/2014 | Phát sinh tăng trong kỳ | Kết chuyển vào chi phí | Số dư 31/12/2014 |
|-------------|---------------------|----------------------------|---------------------------|---------------------|
| Phí quản lý | 143.000.000 | 30.000.000 | - | 173.000.000 |
| Cộng | 143.000.000 | 30.000.000 | - | 173.000.000 |

6. Tài sản ngắn hạn khác

| | Số dư 31/12/2014 | Số dư 01/01/2014 |
|-------------------|---------------------|---------------------|
| Tạm ứng nhân viên | 86.520.000 | 86.520.000 |
| Nguyễn Mạnh Toàn | - | - |
| Khác | - | - |
| Cộng | 86.520.000 | 86.520.000 |

7. Tài sản cố định hữu hình

| Chỉ tiêu | Máy móc thiết bị | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng TSCĐ hữu hình |
|----------------------|------------------|------------------------------|-----------------------|
| I. Nguyên giá | | | |
| 1. Số đầu kỳ | 5.156.572.936 | 276.088.215 | 5.432.661.151 |
| 2. Tăng trong kỳ | - | - | - |
| 3. Giảm trong kỳ | - | 19.800.000 | 19.800.000 |
| - Giảm theo TT 45 | - | 19.800.000 | 19.800.000 |
| 4. Số cuối kỳ | 5.156.572.936 | 256.288.215 | 5.412.861.151 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Lầu 4A&9 Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Chỉ tiêu | Máy móc thiết bị | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng TSCĐ hữu hình |
|-----------------------------|------------------|---------------------------|--------------------|
| II. Hao mòn lũy kế | | | |
| 1. Số đầu kỳ | 3.069.786.881. | 213.672.323 | 3.283.459.204 |
| 2. Tăng trong kỳ | 123.310.350 | - | 123.310.350 |
| - Trích khấu hao | 123.310.350 | - | 123.310.350 |
| 3. Giảm trong kỳ | - | - | - |
| - Giảm theo TT 45 | - | - | - |
| 4. Số cuối kỳ | 3.439.717.931 | 222.375.312 | 3.653.142.247 |
| III. Giá trị còn lại | | | |
| 1. Số đầu kỳ | 2.086.786.055 | - | 2.149.201.947 |
| 2. Số cuối kỳ | 1.716.855.005 | - | 1.759.718.904 |

8. Tài sản cố định vô hình

| Chỉ tiêu | Phần mềm kế toán | TSCĐ vô hình khác | Cộng TSCĐ vô hình |
|-----------------------------|------------------|-------------------|-------------------|
| I. Nguyên giá | | | |
| 1. Số đầu kỳ | 459.355.520 | 1.055.925.000 | 1.515.280.520 |
| 2. Tăng trong kỳ | - | - | - |
| 3. Giảm trong kỳ | - | - | - |
| 4. Số cuối kỳ | 459.355.520 | 1.055.925.000 | 1.515.280.520 |
| II. Hao mòn lũy kế | | | |
| 1. Số đầu kỳ | 287.097.210 | 429.433.123 | 716.530.333 |
| 2. Tăng trong kỳ | 11.483.888 | 26.398.125 | 37.882.013 |
| Trích khấu hao | 11.483.888 | 26.398.125 | 37.882.013 |
| 3. Giảm trong kỳ | - | - | - |
| 4. Số cuối kỳ | 298.581.098 | 455.831.248 | 754.412.346 |
| III. Giá trị còn lại | | | |
| 1. Số đầu kỳ | 172.258.310 | 626.491.877 | 798.750.187 |
| 4. Số cuối kỳ | 160.774.422 | 600.093.752 | 760.868.174 |

9. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số dư 01/01/2014 | Phát sinh tăng trong kỳ | Kết chuyển vào chi phí | Số dư 31/12/2014 |
|--------------------------|-------------------|-------------------------|------------------------|-------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 12.059.286 | 7.040.000 | 10.545.413 | 8.553.873 |
| Chi phí sửa chữa | 70.571.385 | - | 45.592.002 | 24.979.383 |
| Cộng | 82.630.671 | 7.040.000 | 56.137.415 | 33.533.256 |

10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

| | Số dư 31/12/2014 | Số dư 01/01/2014 |
|------------------|------------------|------------------|
| Tiền nộp ban đầu | 507.115.884 | 507.115.884 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Lầu 4A&9 Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền nộp bổ sung hàng năm | 96.483.128 | 96.483.128 |
| Tiền lãi phân bổ hàng năm | 182.284.720 | 182.284.720 |
| Cộng | 785.883.732 | 785.883.732 |

11. Vay và nợ ngắn hạn

Vay cá nhân

| | | |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Bà Vũ Thị Hạnh (*) | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Cộng | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |

(*) *Vay ngắn hạn bà Vũ Thị Hạnh*

- Hợp đồng: Hợp đồng vay số 01/2012/HĐTD/VGS ngày 13/11/2012.
- Thời hạn vay: 1 tháng.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Lãi suất: 13%/năm. Mức lãi suất phạt quá hạn là 19,5%.
- Phụ lục hợp đồng: Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/2013 ngày 13/07/2013.

12. Phải trả cho người bán

| | | |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Công ty Không gian Hải Hoà | 10.800.000 | 10.800.000 |
| Nguyễn Thị Phương Lan | 46.970.000 | 46.970.000 |
| Mai Chi Mai | 601.524.379 | 601.524.379 |
| Cty Tân Đông Phương | 32.710.274 | - |
| Cty CP Đại học Tân Tạo | - | - |
| Cộng | 710.531.290 | 659.294.379 |

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| S T T | Chỉ tiêu | Số còn phải nộp đầu kỳ | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | Số còn phải nộp cuối kỳ |
|-------------|--------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------------|
| I | Thuế | 466.781.430 | 243.497.560 | 6.000.000 | 466.782.975 |
| 1 | Thuế GTGT hàng bán nội địa | 80.099.756 | - | - | 80.099.756 |
| 2. | Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 241.497.560 | - | 241.497.560 |
| 3. | Thuế thu nhập cá nhân | 386.683.219 | - | - | 386.683.219 |
| 4. | Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| | - <i>Thuế môn bài</i> | - | <i>3.000.000</i> | <i>3.000.000</i> | - |
| II | Các khoản phải nộp khác | - | - | - | - |
| | Tổng cộng | 466.781.430 | 243.497.560 | 6.000.000 | 708.280.535 |

• *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

- Thuế suất áp dụng :

Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán : 10%

Hoạt động môi giới chứng khoán, tư vấn : Không chịu thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Lầu 4A&9 Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả**

| | Số dư 31/12/2014 | Số dư 01/01/2014 |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| Trích trước chi phí lãi vay | 1.309.615.401 | 1.309.615.401 |
| Cộng | 1.309.615.401 | 1.309.615.401 |
| | Số dư 30/06/2014 | Số dư 01/01/2014 |

15. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

| | | |
|---|--------------------|--------------------|
| Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 370.136.610 | 308.238.810 |
| Cộng | 370.136.610 | 308.238.810 |

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | | |
|--|----------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 41.829.799 | 41.829.799 |
| Phải trả khác | 1.160.887.388 | 1.160.887.388 |
| <i>Chi phí thành lập - Nguyễn Ngọc Thắng</i> | <i>124.780.000</i> | <i>124.780.000</i> |
| <i>Trần Phú Mỹ (*)</i> | <i>1.036.107.388</i> | <i>1.036.107.388</i> |
| Cộng | 1.202.717.187 | 1.202.717.187 |

17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ lũy kế) | Cộng |
|----------------------|------------------------------|---|-----------------------|
| Số dư cuối năm trước | 35.000.000.000 | (2.576.107.699) | 32.423.892.301 |
| Lỗ trong kỳ | - | 578.256.717 | 578.256.717 |
| Số dư cuối kỳ | 35.000.000.000 | (3.154.364.416) | 31.845.635.584 |

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu kỳ | | |
|--|---------------------|--------------------|-----------------------|---------------------|--------------------|-----------------------|
| | Tỷ lệ sở hữu (%) | Cổ phiếu thường | Giá trị (VND) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Cổ phiếu thường | Giá trị (VND) |
| Công ty Đầu Tư – Tin học và Tư vấn XD Phương Nam | 20,00 | 700.000 | 7.000.000.000 | 20,00 | 700.000 | 7.000.000.000 |
| Công ty TNHH Xây Dựng An Cư | 20,00 | 700.000 | 7.000.000.000 | 20,00 | 700.000 | 7.000.000.000 |
| Ông Mai Văn Công | 15,00 | 525.000 | 5.250.000.000 | 15,00 | 525.000 | 5.250.000.000 |
| Ông Châu Vinh Quang | 15,00 | 525.000 | 5.250.000.000 | 15,00 | 525.000 | 5.250.000.000 |
| Ông Nguyễn Bảo Thành | 15,00 | 525.000 | 5.250.000.000 | 15,00 | 525.000 | 5.250.000.000 |
| Ông Hoàng Biều | 15,00 | 525.000 | 5.250.000.000 | 15,00 | 525.000 | 5.250.000.000 |
| Cộng | 100,00 | 3.500.000 | 35.000.000.000 | 100,00 | 3.500.000 | 35.000.000.000 |
| Cổ phiếu | | | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Lầu 4A&9 Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số dư 31/12/2014 | Số dư 01/01/2014 |
|---|---------------------|---------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.500.000 | 3.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng | 3.500.000 | 3.500.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>3.500.000</i> | <i>3.500.000</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 3.500.000 | 3.500.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>3.500.000</i> | <i>3.500.000</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 đồng/ cổ phần.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Quý 4 năm 2014 | Quý 4 năm 2013 |
|--|-------------------|----------------------|
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 37.329.742 | 46.359.567 |
| Doanh thu vốn kinh doanh | 787.625 | 1.244.544.015 |
| Cộng | 38.117.367 | 1.290.903.582 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Doanh thu thuần | 38.117.367 | 1.290.903.582 |

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

| | | |
|----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí hoạt động vốn kinh doanh | 616.374.084 | 989.677.236 |
| Cộng | 616.374.084 | 989.677.236 |

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2014



CHÂU VINH QUANG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ CẢNH
Người lập biểu